BTVN: VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP
CHUYÊN ĐỀ: ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH KINH TẾ
BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN TUYENSINH247.COM

MỤC TIÊU

- ✓ *Phân tích được các thế mạnh, hạn chế đối với phát triển nền nông nghiệp nước ta.*
- ✓ *Trình bày được chuyển dịch cơ cấu và sự phát triển, phân bố nông nghiệp thông qua Atlat, bảng số liệu, tư liệu.*
- ✓ *Nêu được xu hướng phát triển nông nghiệp trong tương lai.*

I PHẦN I: CÂU TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

Câu 1: (ID: 728527) Sản xuất cây hàng năm ở nước ta hiện nay

A. được thúc đẩy theo hướng hàng hóa.
B. chỉ dùng làm thức ăn để chăn nuôi.
C. tập trung phần lớn ở khu vực đồi núi.
D. hoàn toàn tập trung cho cây lúa gạo.

Câu 2: (ID: 728531) Cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt nước ta hiện nay

A. giảm tỉ trọng cây lương thực, tăng tỉ trọng cây công nghiệp.
B. cây công lâu năm, cây ăn quả luôn chiếm tỉ trọng cao nhất.
C. cây ăn quả và cây thực phẩm chiếm tỉ trọng lớn, tăng nhanh.
D. giảm tỉ trọng cây công nghiệp, tăng tỉ trọng cây lương thực.

Câu 3: (ID: 728534) Xu hướng phát triển ngành nông nghiệp của nước ta hiện nay là

A. tăng tỉ trọng ngành trồng trọt trong cơ cấu sản xuất.
B. tăng tỉ trọng ngành trồng cây công nghiệp hàng năm.
C. phát triển nông nghiệp hiệu quả, bền vững.
D. giảm các sản phẩm của ngành chăn nuôi không qua giết thịt.

Câu 4: (ID: 728536) Nhận định nào sau đây đúng với tình hình sản xuất lúa ở nước ta hiện nay?

A. Lúa là cây trồng chính trong sản xuất lương thực.
B. Diện tích trồng lúa tăng liên tục qua các năm.
C. Chưa hình thành được các vùng sản xuất lúa trọng điểm.
D. Tỉ trọng ngày cang tăng trong cơ cấu ngành trồng trọt.

Câu 5: (ID: 728680) Sản xuất lương thực ở nước ta hiện nay

A. có năng suất và sản lượng ngày càng tăng.
B. tập trung chủ yếu ở đồng bằng Bắc Bộ.
C. chỉ dùng để cung cấp hàng xuất khẩu.
D. hoàn toàn dùng để chăn nuôi gia cầm.

Câu 6: (ID: 728525) Biện pháp chủ yếu nâng cao năng suất cây lương thực nước ta là

A. mở rộng chế biến, đẩy mạnh xuất khẩu.
B. đẩy mạnh thâm canh, áp dụng công nghệ.

C. sản xuất hữu cơ, nâng cấp cơ sở hạ tầng. **D.** phát triển thị trường, thu hút vốn đầu tư.

Câu 7: (ID: 728528) Điều kiện thuận lợi về tự nhiên để đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp nước ta là

A. các vùng đều nóng quanh năm, mưa nhiều. **B.** ít chịu ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh.

C. đất feralit có diện tích lớn ở một số vùng. **D.** khí hậu nóng ẩm, nhiều loại đất thích hợp.

Câu 8: (ID: 728529) Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho chăn nuôi lợn và gia cầm tập trung nhiều ở các đồng bằng lớn ở nước ta?

A. Cơ sở thức ăn được đảm bảo tốt. **B.** Có nhiều mặt bằng để tập trung chuồng trại.

C. Có nhiều cơ sở công nghiệp chế biến thịt. **D.** Nhu cầu thịt của người dân lớn.

Câu 9: (ID: 728533) Cơ cấu nông nghiệp của nước ta hiện nay đang chuyển dịch theo xu hướng nào sau đây?

A. Giảm tỉ trọng ngành chăn nuôi, tăng tỉ trọng ngành trồng trọt.

B. Chú trọng phát triển các loại cây trồng, vật nuôi truyền thống.

C. Giảm tỉ trọng giá trị sản xuất của cây công nghiệp, cây ăn quả nhiệt đới.

D. Chú trọng phát triển các cây trồng mới có triển vọng như: cây dược liệu, nấm,…

Câu 10: (ID: 728678) Biện pháp chủ yếu để trồng cây lương thực theo hướng bền vững ở nước ta là

A. mở rộng thị trường, thúc đẩy chế biến. **B.** canh tác hữu cơ, ứng dụng công nghệ.

C. sản xuất trang trại, hoàn thiện hạ tầng. **D.** liên kết nhiều vùng, hội nhập quốc tế.

Câu 11: (ID: 728526) Biện pháp chủ yếu nâng cao sản lượng cây công nghiệp nước ta là

A. sử dụng kĩ thuật lai tạo giống mới. **B.** sản xuất chuyên canh quy mô lớn.

C. tìm kiếm nhiều thị trường tiêu thụ. **D.** tăng cường chế biến, xuất khẩu.

Câu 12: (ID: 728530) Yếu tố nào sau đây tác động chủ yếu đến việc sản xuất theo hướng hàng hóa trong chăn nuôi ở nước ta hiện nay?

A. Trình độ lao động được nâng cao. **B.** Nhu cầu thị trường tăng nhanh.

C. Dịch vụ thú y có nhiều tiến bộ. **D.** Cơ sở thức ăn được đảm bảo hơn.

Câu 13: (ID: 728532) Diện tích cây công nghiệp hàng năm ở nước ta không ổn định và tăng chậm hơn so với cây lâu năm chủ yếu do

A. khả năng mở rộng hạn chế, thị trường tiêu thu hẹp.

B. giá trị xuất khẩu thấp, nhu cầu của thị trường giảm.

C. hiệu quả kinh tế thấp, phân bố chủ yếu ở đồng bằng.

D. công nghệ chế biến yếu, đòi hỏi nhiều công chăm sóc.

Câu 14: (ID: 728535) Ý nghĩa về mặt xã hội của việc hình thành các vùng chuyên canh trong sản xuất nông nghiệp ở nước ta là

A. khai thác tối đa các điều kiện sinh thái nông nghiệp ở mỗi vùng.

B. tạo điều kiện chuyên môn hoá lao động cho các vùng nông thôn.

C. tạo ra nguồn nguyên liệu dồi dào cho phát triển công nghiệp chế biến.

D. đảm bảo sản lượng và chất lượng để đáp ứng nhu cầu xuất khẩu.

Câu 15: (ID: 728679) Đặc điểm ngành chăn nuôi gia súc lớn của nước ta hiện nay là

A. đã kiểm soát rất tốt vấn đề dịch bệnh.

B. có nhiều hình thức chăn nuôi rất hiện đại.

C. thường gắn với vùng trung du, miền núi.

D. chỉ phân bố chủ yếu ở các đồng bằng.

Câu 16: (ID: 728682) Ngành trồng trọt ở nước ta đang có xu hướng đa dạng hóa sản phẩm nhằm mục đích chủ yếu là

A. thu hút nguồn vốn ở trong nước, cải thiện chất lượng sản phẩm.

B. phù hợp với nhu cầu thị trường và khai thác hiệu quả nguồn lực.

C. nâng cao chất lượng sản phẩm, thu hút lao động có trình độ cao.

D. thu hút các nguồn vốn đầu tư, mang lại hiệu quả cao về kinh tế.

Câu 17: (ID: 728683) Ngành chăn nuôi ở nước ta chưa tương xứng với tiềm năng chủ yếu là do

A. dịch vụ thú y chưa phát triển và năng suất chăn nuôi thấp.

B. chăn nuôi quy mô nhỏ, giống vật nuôi nhỏ và dịch vụ kém.

C. chăn nuôi quảng canh, năng suất thấp, ít chú trọng đầu tư.

D. chọn giống vật nuôi chưa phù hợp, chưa đầu tư chuồng trại.

Câu 18: (ID: 728681) Giải pháp chủ yếu nhằm giảm thiểu rủi ro khi nông sản rớt giá ở nước ta hiện nay là

A. tăng cường chuyên môn hoá sản xuất, mở rộng xuất khẩu.

B. phát triển vùng chuyên canh lớn, thâm canh tăng năng suất.

C. phát triển công nghiệp chế biến, mở rộng hơn thị trường.

D. đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất, phát triển chế biến.

II PHẦN II: CÂU TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI

Câu 19: (ID: 728751) Cho thông tin sau, hãy chọn đúng hoặc sai:

Nước ta có 3/4 diện tích là đồi núi, chủ yếu là đồi núi thấp, một số vùng có các cao nguyên. Khu vực này có đất feralit là chủ yếu, thuận lợi cho trồng cây công nghiệp, cây ăn quả; có các đồng cỏ lớn thích hợp để phát triển chăn nuôi gia súc lớn.

a. Địa hình là một trong các thế mạnh tự nhiên để phát triển nông nghiệp nước ta.

b. Địa hình đồi núi với đất feralit chiếm diện tích lớn thuận lợi cho phát triển các loại cây lâu năm.

c. Chăn nuôi gia súc lớn tập trung chủ yếu ở vùng núi trên cơ sở các đồng cỏ rộng, phân bố chủ yếu ở các cao nguyên.

d. Cao su là cây công nghiệp phát triển chủ yếu trên đất phù sa.

Câu 20: (ID: 728752) Cho thông tin sau, hãy chọn đúng hoặc sai:

Nước ta có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, phân hoá theo chiều bắc - nam, theo độ cao địa hình và theo mùa, tạo nên đặc điểm khí hậu khác nhau giữa các vùng, miền.

a. Đặc điểm khí hậu cho phép nước ta phát triển một nền nông nghiệp cận nhiệt đới.

b. Khí hậu phân hóa đa dạng tạo điều kiện để nước ta đa dạng hóa cây trồng và vật nuôi.

c. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa giúp cho nền nông nghiệp của nước ta có thể phát triển quanh năm.

d. Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa cũng tạo ra sự bấp bênh cho nông nghiệp do có nhiều sâu bệnh, dịch bệnh.

Câu 21: (ID: 839210) Cho bảng số liệu, hãy chọn đúng hoặc sai:

DIỆN TÍCH LÚA MỘT SỐ VÙNG CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2015 - 2021

(Đơn vị: Nghìn ha)

Năm	2015	2017	2019	2020	2021
CẢ NƯỚC	**7 828**	**7 705,2**	**7 469,9**	**7 278,9**	**7 238,9**
Đồng bằng sông Hồng	1 110,9	1 071,4	1 012,3	983,4	970,3
Trung du và miền núi phía Bắc	684,3	679,8	669	665,2	662,2
Đông Nam Bộ	273,3	271,9	267.4	262	258,9
Đồng bằng sông Cửu Long	4 301,5	4 185,3	4 069,3	3 963,7	3 898,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, https://www.gso.gov.vn)

a. Diện tích lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long tăng liên tục.

b. Tỉ trọng diện tích lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long năm 2021 chiếm 53,9% cả nước.

c. Tỉ trọng diện tích lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long năm 2021 giảm 1,3% so với năm 2015.

d. Diện tích lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long giảm là do chuyển đổi mục đích sử dụng đất.

Câu 22: (ID: 728755) Cho biểu đồ sau, hãy chọn đúng hoặc sai:

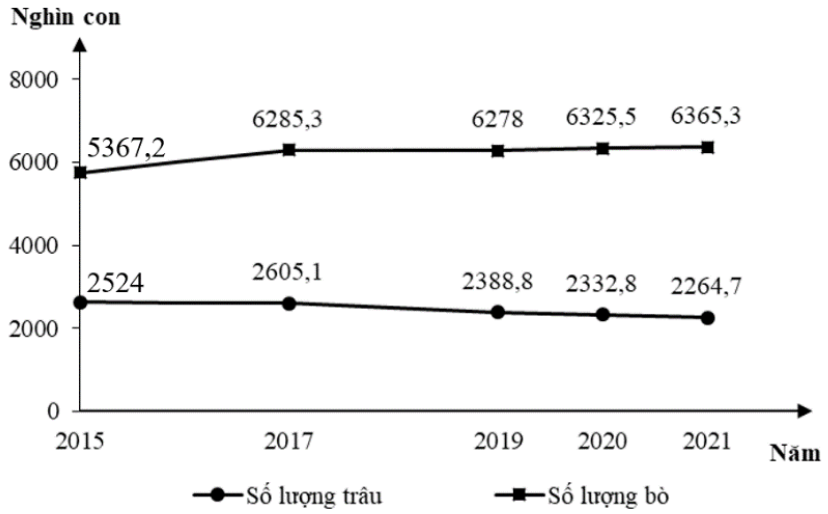

Số lượng trâu và bò của nước ta giai đoạn 2015 - 2021

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2021, NXB Thống kê, 2022)

a. Số lượng bò tăng liên tục trong giai đoạn 2015 – 2021.

b. Hiện nay, bò nuôi để lấy thịt và sữa là chủ yếu.

c. Số lượng trâu giảm do ảnh hưởng của dịch bệnh.

d. Chăn nuôi gia súc lớn ngày càng phát triển chủ yếu do nhu cầu xuất khẩu tăng cao.

III PHẦN III: CÂU TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN

Câu 23: (ID: 796631) Năm 2023, sản lượng lương thực có hạt cả năm của Bắc Trung Bộ đạt 4 294,4 nghìn tấn, số dân là 11 244,6 nghìn người. Hãy cho biết bình quân lương thực có hạt theo đầu người của Bắc Trung Bộ là bao nhiêu kg/người (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 24: (ID: 728758) Năm 2022, nước ta có tổng diện tích lúa là 7109,0 nghìn ha, sản lượng lúa đạt được là 47085,3 nghìn tấn. Tính năng suất lúa nước ta năm 2022? (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của tạ/ ha).

Câu 25: (ID: 728759) Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG MỘT SỐ CÂY CÔNG NGHIỆP NƯỚC TA NĂM 2021

(Đơn vị: Nghìn ha)

Năm	Cây cà phê	Cây mía	Cây điều	Cây chè
2021	710,6	165,9	314,4	123,6

(Nguồn: Niên giám thống kê năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy tính tổng diện tích cây công nghiệp lâu năm ở nước ta năm 2021. (làm tròn đến kết quả đến hàng đơn vị của nghìn ha).

Câu 26: (ID: 728760) Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG VÀ SẢN LƯỢNG LÚA CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ NĂM 2021

Năm	2010	2021
Diện tích gieo trồng *(triệu ha)*	7,5	7,2
Sản lượng *(triệu tấn)*	40,0	43,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết năng suất lúa của nước ta năm 2021 tăng thêm bao nhiêu tạ/ ha so với năm 2010. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tạ/ha)

Câu 27: (ID: 728761) Cho biểu đồ:

BIỂU ĐỒ VỀ DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG CÀ PHÊ
NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2015 - 2021

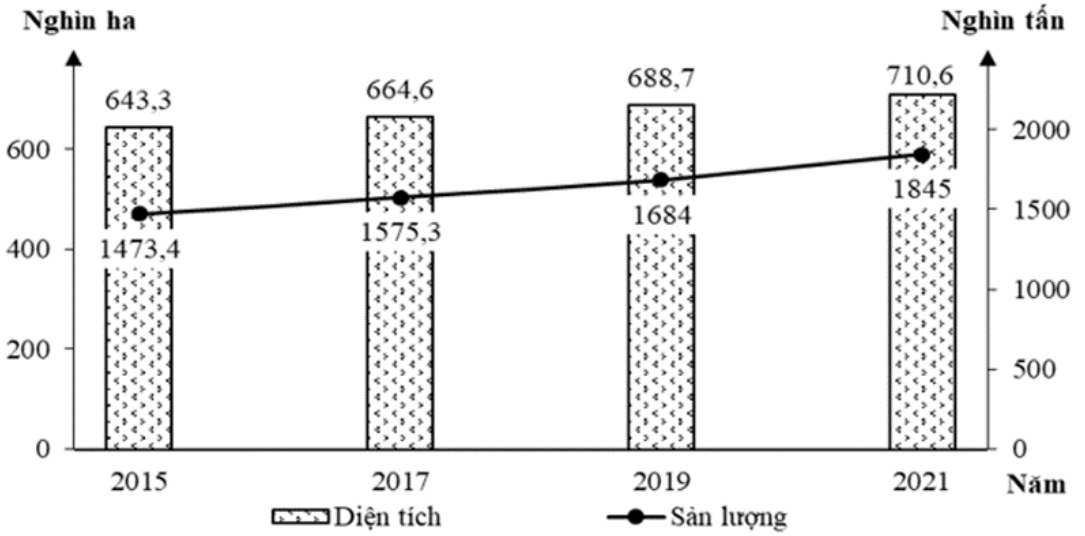

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2022, https://www.gso.gov.vn)

Căn cứ vào biểu đồ, cho biết năng suất cà phê của nước ta năm 2021 là bao nhiêu tạ/ha? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tạ/ha)

Câu 28: (ID: 728778) Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG LÚA ĐÔNG XUÂN CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 – 2022

Năm	**2010**	**2015**	**2020**	**2022**
Diện tích *(nghìn ha)*	3 085,9	3 168,0	3 024,0	2 992,3
Sản lượng *(nghìn tấn)*	19 216,6	21 091,7	19 874,4	19 976,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê,2023)

Theo bảng số liệu, cho biết diện tích lúa đông xuân của nước ta năm 2022 giảm đi bao nhiêu % so với năm 2010? (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %)

----- HẾT -----

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN TUYENSINH247.COM

I PHẦN I: CÂU TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

1.A	2.A	3.C	4.A	5.A	6.B	7.D	8.A	9.D	10.B
11.B	12.B	13.C	14.B	15.C	16.B	17.C	18.C		

Câu 1 (NB):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Vấn đề phát triển ngành nông nghiệp.

Cách giải:

Sản xuất cây hàng năm ở nước ta hiện nay được thúc đẩy theo hướng hàng hóa: áp dụng khoa học kĩ thuật và công nghệ hiện đại vào sản xuất, gắn sản xuất với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ.

Chọn A.

Câu 2 (NB):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Vấn đề phát triển ngành nông nghiệp.

Cách giải:

Cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt nước ta hiện nay giảm tỉ trọng cây lương thực, tăng tỉ trọng cây công nghiệp.

Chọn A.

Câu 3 (NB):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Vấn đề phát triển ngành nông nghiệp.

Cách giải:

Xu hướng phát triển ngành nông nghiệp của nước ta hiện nay là phát triển nông nghiệp hiệu quả, bền vững, tích hợp đa giá trị theo năng lực cạnh tranh.

Chọn C.

Câu 4 (NB):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Vấn đề phát triển ngành nông nghiệp.

Cách giải:

Lúa là cây trồng chính trong sản xuất lương thực (88,9% diện tích gieo trồng cây lương thực có hạt của nước ta năm 2021).

Chọn A.

Câu 5 (NB):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Vấn đề phát triển ngành nông nghiệp.

Cách giải:

Sản xuất lương thực ở nước ta hiện nay có năng suất và sản lượng ngày càng tăng nhờ ứng dụng phương thức canh tác hợp lí, thành tựu khoa học kĩ thuật vào sản xuất.

Chọn A.

Câu 6 (TH):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Vấn đề phát triển ngành nông nghiệp.

Cách giải:

Biện pháp chủ yếu nâng cao năng suất cây lương thực nước ta là đẩy mạnh thâm canh (tăng diện tích), áp dụng công nghệ (tăng sản lượng).

Chọn B.

Câu 7 (TH):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Vấn đề phát triển ngành nông nghiệp.

Cách giải:

Điều kiện thuận lợi về tự nhiên để đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp nước ta là khí hậu nóng ẩm, nhiều loại đất thích hợp (đất feralit, đất ba dan màu mỡ).

Chọn D.

Câu 8 (TH):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Vấn đề phát triển ngành nông nghiệp.

Cách giải:

Nguyên nhân chủ yếu làm cho chăn nuôi lợn và gia cầm tập trung nhiều ở các đồng bằng lớn ở nước ta là cơ sở thức ăn được đảm bảo tốt (thức ăn từ sản phẩm trồng trọt, thức ăn từ thủy sản, thức ăn từ công nghiệp chế biến,…). Trong chăn nuôi, cơ sở thức ăn là nhân tố quan trọng hàng đầu.

Chọn A.

Câu 9 (TH):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Vấn đề phát triển ngành nông nghiệp.

Cách giải:

Cơ cấu nông nghiệp của nước ta hiện nay đang chuyển dịch theo xu hướng tăng tỉ trọng chăn nuôi, giảm tỉ trọng trồng trọt; trong ngành trồng trọt giảm tỉ trọng cây lương thực tăng tỉ trọng cây công nghiệp và cây trồng mới có triển vọng như: cây dược liệu, nấm,…

Chọn D.

Câu 10 (TH):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Vấn đề phát triển ngành nông nghiệp.

Cách giải:

Biện pháp chủ yếu để trồng cây lương thực theo hướng bền vững ở nước ta là canh tác hữu cơ, ứng dụng công nghệ. Sản xuất cây công nghiệp theo hướng bền vững là vừa đem lại hiệu quả kinh tế cao, vừa bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh nông nghiệp hữu cơ giúp bảo vệ môi trường.

Chọn B.

Câu 11 (VD):

Phương pháp:

Phân tích.

Cách giải:

Biện pháp chủ yếu nâng cao sản lượng cây công nghiệp nước ta là sản xuất chuyên canh quy mô lớn nhằm tăng diện tích sản xuất, đáp ứng được nhu cầu của thị trường (gắn với chế biến; ứng dụng kĩ thuật mới làm tăng chất lượng, giá trị của sản phẩm) và gắn với các dịch vụ.

Chọn B.

Câu 12 (VD):

Phương pháp:

Phân tích.

Cách giải:

Thị trường tăng nhanh thúc đẩy sản xuất theo hướng hàng hóa trong chăn nuôi phát triển.

Chú ý khi giải:

Chú ý: Sản xuất hàng hóa phải gắn với thị trường, thị trường là nhân tố quan trọng hàng đầu, quyết định tới hoạt động sản xuất.

Chọn B.

Câu 13 (VD):

Phương pháp:

So sánh.

Cách giải:

Diện tích cây công nghiệp hàng năm ở nước ta không ổn định và tăng chậm hơn so với cây lâu năm chủ yếu do hiệu quả kinh tế thấp, phân bố chủ yếu ở đồng bằng.

Chọn C.

Câu 14 (VD):

Phương pháp:

Phân tích.

Cách giải:

Ý nghĩa về mặt xã hội của việc hình thành các vùng chuyên canh trong sản xuất nông nghiệp ở nước ta là tạo điều kiện chuyên môn hoá lao động cho các vùng nông thôn.

Các đáp án A, C, D là các ý nghĩa về mặt kinh tế của việc hình thành các vùng chuyên canh trong sản xuất nông nghiệp ở nước ta.

Chọn B.

Câu 15 (VD):

Phương pháp:

Phân tích.

Cách giải:

Đặc điểm ngành chăn nuôi gia súc lớn của nước ta hiện nay là thường gắn với vùng trung du, miền núi. Đây là nơi có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển:

- Địa hình đồi núi và cao nguyên nên có đồng cỏ thuận lợi cho chăn nuôi gia súc lớn.
- Nguồn thức ăn cho chăn nuôi ngày càng được tăng cường và đảm bảo.
- Khí hậu phù hợp: Trung du và miền núi phía Bắc có khí hậu nhiệt đới có mùa đông lạnh, phù ẩm hợp với điều kiện sinh thái của đàn trâu, Nam Trung Bộ có khí hậu nhiệt đới cận xích đạo có mùa khô, phù hợp với điều kiện sinh thái của bò.
- Thị trường tiêu thụ ngày càng mở rộng, đặc biệt là các vùng phụ cận.
- Dân cư có kinh nghiệm chăn nuôi gia súc lớn.

Chọn C.

Câu 16 (VD):

Phương pháp:

Phân tích.

Cách giải:

Lợi ích của đa dạng hóa sản phẩm trồng trọt:

- Phát huy hết lợi thế tiềm năng của đất trồng, tận dụng một cách tốt nhất nguồn nước tưới, dinh dưỡng, phân bón,…
- Chủ động được công lao động vì mỗi loại cây trồng có thời điểm chăm sóc, thu hoạch khác nhau.
- Hạn chế được sâu bệnh gây hại vì một số loài cây có tác dụng ngăn chặn hay thu hút côn trùng. Mặt khác, nhờ có nhiều loài cây cùng sinh sống nên việc bùng phát một loài gây hại nào đó sẽ được hạn chế.
- Giảm tác động cực đoan của thời tiết.

- Tăng thêm thu nhập trên cùng một đơn vị sản xuất.

- An toàn nguồn thu nhập và giảm rủi ro khi giá cả một loại nông sản nào đó bị biến động.

- Đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường.

→ Ngành trồng trọt ở nước ta đang có xu hướng đa dạng hóa sản phẩm nhằm mục đích chủ yếu là phù hợp với nhu cầu thị trường và khai thác hiệu quả nguồn lực.

Chọn B.

Câu 17 (VD):

Phương pháp:

Phân tích.

Cách giải:

Ngành chăn nuôi ở nước ta chưa tương xứng với tiềm năng chủ yếu là do chăn nuôi quảng canh (chăn nuôi thả, sử dụng thức ăn từ tự nhiên là chủ yếu), ít chú trọng đầu tư nên năng suất thấp (khó kiểm soát được chất lượng đầu ra do phụ thuộc nhiều vào tự nhiên).

Chọn C.

Câu 18 (VDC):

Phương pháp:

Phân tích.

Cách giải:

Giải pháp chủ yếu nhằm giảm thiểu rủi ro khi nông sản rớt giá ở nước ta hiện nay là phát triển công nghiệp chế biến, mở rộng hơn thị trường.

- Đầu tư vào công nghệ chế biến, đóng gói và bảo quản là một trong những giải pháp hữu hiệu nhất để nâng cao giá trị gia tăng cho nông sản, thực phẩm; giải quyết tốt nhất tình trạng "được mùa mất giá" diễn ra thường xuyên trong lĩnh vực nông nghiệp tại Việt Nam.

- Liên kết chặt chẽ sản xuất với thị trường, mở rộng thị trường. Khi sản phẩm đã được thị trường thế giới chấp nhận thì cần chú ý đến chất lượng, giá cả cũng như mẫu mã bao bì nhằm thu hút đối tác cũng như khách hàng thế giới.

Chọn C.

II PHẦN II: CÂU TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI

Câu	19	20	21	22
Đáp án	ĐĐĐS	SĐĐĐ	SĐSĐ	SĐSS

Câu 19 (VD):

Phương pháp:

Phân tích.

Cách giải:

- Ý 1, 2, 3 đúng.

- Ý 4 sai vì cây cao su được trồng chủ yếu ở đất đỏ badan màu mỡ, cần đảm bảo các yếu tố về tiêu chuẩn kỹ thuật. Đất đỏ badan cùng với khí hậu thuận lợi điển hình như ở vùng Đông Nam Bộ của nước ta là nơi thích hợp trồng cây cao su nhất, cho năng suất cao và ổn định.

Câu 20 (VD):

Phương pháp:

Phân tích.

Cách giải:

- Ý 1 sai vì đặc điểm khí hậu cho phép nước ta phát triển một nền nông nghiệp nhiệt đới.

- Ý 2 đúng. Khí hậu phân hóa đa dạng theo bắc – nam, theo độ cao, theo đông – tây tạo điều kiện để nước ta đa dạng hóa cây trồng và vật nuôi.

- Ý 3 đúng. Khí hậu nhiệt đới ẩm với lượng nhiệt, ẩm dồi dào là điều kiện thuận lợi để cây trồng, vật nuôi phát triển, cho phép sản xuất nông nghiệp được tiến hành quanh năm, tăng vụ, tăng năng suất.

- Ý 4 đúng. Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa cũng tạo ra sự bấp bênh cho nông nghiệp do có nhiều sâu bệnh, dịch bệnh (khí hậu nóng ẩm tạo điều kiện thuận lợi cho sâu bệnh phát triển).

Câu 21 (VD):

Phương pháp:

a) Dựa vào bảng số liệu.

b) Dựa vào công thức tính:

Tỉ trọng = (Giá trị thành phần/Tổng giá trị)*100

c) Dựa vào công thức tính ở ý b. Sau đó, lấy tỉ trọng diện tích lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long năm 2021 trừ năm 2015.

d) Dựa vào nguyên nhân làm diện tích lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long giảm.

Cách giải:

a) Sai. Diện tích lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long giảm liên tục từ 4 301,5 nghìn ha (2015) xuống còn 3 898,6 (năm 2021).

b) Đúng. Tỉ trọng diện tích lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long năm 2021 chiếm:

(3 898,6/7 238,9)*100 = 53,9%

c) Sai. Tỉ trọng diện tích lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long năm 2015 chiếm:

(4 301,5/7 828)*100 = 55,0%

→ So với năm 2015, tỉ trọng diện tích lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long năm 2021 giảm:

55,0 – 53,9 = 1,1%

d) Đúng. Diện tích lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long giảm là do chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang nuôi trồng thủy sản, trồng cây ăn quả, chuyển đổi sang đất phi nông nghiệp,…

Câu 22 (VD):

Phương pháp:

Phân tích.

Cách giải:

- Ý 1 sai vì số lượng bò có sự biến động trong giai đoạn 2015 – 2021.

+ Giai đoạn 2015 – 2017: số lượng bò tăng.

+ Giai đoạn 2017 – 2019: số lượng bò giảm.

+ Giai đoạn 2019 – 2021: số lượng bò tăng.

- Ý 2 đúng. Hiện nay, bò nuôi để lấy thịt và sữa là chủ yếu.

- Ý 3 sai vì chỉ một phần số lượng trâu giảm là do dịch bệnh. Nguyên nhân chủ yếu là do nhu cầu thị trường và điều kiện chăn nuôi trâu.

- Ý 4 sai vì nhu cầu gia súc lớn chủ yếu phục vụ nhu cầu trong nước ngày càng tăng.

III PHẦN III: CÂU TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN

Câu	23	24	25	26	27	28
Đáp án	382	66,2	1149	61	26	3

Câu 23 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

Bình quân lương thực đầu người = Tổng sản lượng lương thực/Số dân.

Lư ý đổi đơn vị.

Cách giải:

Bình quân lương thực có hạt theo đầu người của Bắc Trung Bộ là:

4 294,4/11 244,6 = 0,382 tấn/người = 382 kg/người.

Câu 24 (VD):

Phương pháp:

Tính toán.

Cách giải:

1 tấn = 10 tạ.

Năng suất lúa nước ta = (47085,3 x 10) : 7109 ≈ 66,2 tạ/ ha.

Câu 25 (VD):

Phương pháp:

Tính toán.

Cách giải:

Tổng diện tích cây công nghiệp lâu năm ở nước ta năm 2021 = 710,6 + 314,4 + 123,6 ≈ 1149 nghìn ha.

Câu 26 (VD):

Phương pháp:

Tính toán.

Cách giải:

1 tấn = 10 tạ.

Năng suất lúa nước ta = (43,9 x 10) : 7,2 ≈ 61 tạ/ ha.

Câu 27 (VD):

Phương pháp:

Tính toán.

Cách giải:

1 tấn = 10 tạ.

Năng suất cà phê nước ta = (1845 x 10) : 710,6 ≈ 26 tạ/ ha.

Câu 28 (VD):

Phương pháp:

Tính toán.

Cách giải:

- Lấy diện tích lúa đông xuân của nước ta năm 2010 là 100%.

- Diện tích lúa đông xuân của nước ta năm 2022 = 2992,3 : 3085,9 x 100% ≈ 97%.

=> Diện tích lúa đông xuân của nước ta năm 2022 giảm đi 3% so với năm 2010.